

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 153/2020/HNGĐ-ST

Ngày 08 – 9 – 2020

Về việc xin ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thu.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Võ Thanh Liêm.

- Ông Nguyễn Hoàng Kha.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Bích Như, là Thư ký Toà án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 08 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 296/2020/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2020 về việc “xin ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 639/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Tăng Thanh T, sinh năm 1964. Địa chỉ: đường L, khóm N, phường M, thành phố C, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- *Bị đơn:* Bà Lê Hoàng O, sinh năm 1964. Địa chỉ: đường L, khóm N, phường M, thành phố C, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Trần Thị N, sinh năm 1937 (vắng mặt).

2. Ông Tăng Thanh Nh, sinh năm 1967 (xin vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp C, xã L, huyện T, tỉnh Cà Mau.

3. Ông Tăng Thanh L, sinh năm 1964 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp V, Thị trấn M, huyện X, tỉnh Sóc Trăng.

4. Bà Lê Kim Th (vắng mặt).

Địa chỉ: Khóm M, thị trấn T, huyện X, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn ngày 25/5/2020 và tại phiên tòa, ông Tăng Thanh T trình bày:

Ông và bà Lê Hoàng O đăng ký kết hôn vào ngày 25/01/1991 tại Ủy ban nhân dân xã Khánh Dân, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau. Trong quá trình chung sống thời gian đầu rất hạnh phúc, cách nay 08 năm phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là về tài chính, do trước đây làm ăn bà O làm hụi gây ra nợ nần, sau đó vợ chồng cùng trả nợ, dần dần vợ chồng rạn nứt tình cảm, cuộc

sống chung không còn hạnh phúc. Nay xét thấy không còn tình cảm, không thể sống chung nên ông yêu cầu ly hôn bà O.

Về con chung: Có 01 con chung tên Tăng Lê Ngọc Như Y, sinh ngày 06/11/1993. Hiện con chung đã trưởng thành nên không đặt ra trách nhiệm nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: Ông xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông xác định vợ chồng có nợ bà Trần Thị N số tiền 15.000.000đ, Tăng Thanh L số tiền 15.000.000đ, Tăng Thanh Nh 03 chỉ vàng 24k, Lê Kim Th số tiền 16.000.000đ. Khi ly hôn, ông yêu cầu ông và bà O mỗi người trả một nửa số nợ.

- Đối với bà Lê Hoàng O, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhiều lần đến phiên tòa để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và xét xử vụ án nhưng bà O vẫn không có mặt để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

- Tại bản tự khai ông Tăng Thanh Nh trình bày: Ông có cho vợ chồng ông T bà O mượn 03 chỉ vàng 24k, thời gian không nhớ rõ cụ thể nhưng cách nay khoảng 20 năm, khi cho mượn không làm giấy tờ do có mối quan hệ anh em ruột. Nay ông T, bà O ly hôn ông không yêu cầu gì, để ông và ông T bà O tự thỏa thuận và xin vắng mặt trong quá trình hòa giải, xét xử.

- Đối với bà Trần Thị N, bà Lê Kim Th, ông Tăng Thanh L đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhiều lần đến phiên tòa để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và xét xử vụ án nhưng các ông bà vẫn không có mặt để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về tố tụng: Bà Lê Hoàng O, bà Trần Thị N, bà Lê Kim Th, ông Tăng Thanh L đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhiều lần để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và phiên tòa xét xử theo quy định nhưng các đương sự vẫn vắng mặt không có lý do; đối với ông Tăng Thanh Nh có yêu cầu xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Ông Tăng Thanh T, bà Lê Hoàng O chung sống vợ chồng và đăng ký kết hôn vào ngày 25/01/1991 tại Ủy ban nhân dân xã Khánh Dân, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau nên hôn nhân hợp pháp và được pháp luật công nhận bảo vệ. Quá trình chung sống theo ông T trình bày: Thời gian đầu sống hạnh phúc nhưng cách nay khoảng 08 năm phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là về tài chính, do trước đây làm ăn bà O làm hui gây ra nợ nần, sau đó vợ chồng cùng trả nợ, dần dần vợ chồng rạn nứt tình cảm, cuộc sống chung không còn hạnh phúc, không quan tâm lẫn nhau mỗi người có cuộc sống riêng. Nay ông xét thấy không còn tình cảm, không thể sống chung nên ông yêu cầu ly hôn bà O. Đối với bà O không đến Tòa án theo giấy triệu tập, cũng không trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Xét thấy: Ông T bà O có phát sinh mâu thuẫn, ông T

xác định không còn tình cảm với bà O và hiện ông bà cũng đã ly thân, trong khi bà O cũng không có thiện chí hàn gắn vợ chồng, vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông T, cho ông được ly hôn bà O.

[3] Về con chung: Ông T bà O có 01 con chung tên Tăng Lê Ngọc Như Y, sinh ngày 06/11/1993. Hiện con chung đã trưởng thành nên không đặt ra trách nhiệm nuôi dưỡng.

[4] Về tài sản chung: Ông T xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập xem xét;

[5] Về nợ chung: Ông T khai vợ chồng có nợ bà Trần Thị N số tiền 15.000.000đ, Tăng Thanh L số tiền 15.000.000đ, Tăng Thanh Nh 03 chỉ vàng 24k, Lê Kim Th số tiền 16.000.000đ. Tổng các khoản nợ là 46.000.000đ và 03 chỉ vàng 24k. Khi ly hôn, ông T yêu cầu ông bà mỗi người trả một nửa số nợ. Hội đồng xét xử xét thấy, quá trình giải quyết Tòa án có thông báo cho bà N, ông L, bà Th về việc nộp đơn yêu cầu độc lập và xác định yêu cầu nhưng các đương sự không đến Tòa án trình bày cũng không nộp đơn về việc ông T, bà O nợ, riêng ông Nh xác định không yêu cầu trong vụ án này. Vì vậy tách ra để các đương sự tự thỏa thuận, trường hợp các đương sự không tự thỏa thuận được có quyền khởi kiện thành vụ án dân sự khác khi có yêu cầu.

[6] Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của ông Tăng Thanh T về việc xin ly hôn bà Lê Hoàng O.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Tăng Lê Ngọc Như Y, sinh ngày 06/11/1993. Hiện con chung đã trưởng thành nên không đặt ra trách nhiệm nuôi dưỡng.

- Về tài sản chung: Ông T xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Ông T khai vợ chồng có nợ bà Trần Thị N số tiền 15.000.000đ, Tăng Thanh L số tiền 15.000.000đ, Tăng Thanh Nh 03 chỉ vàng 24k, Lê Kim Th số tiền 16.000.000đ. Tổng số tiền nợ là 46.000.000đ và 03 chỉ vàng 24k. Hiện bà N, ông L, ông Nh, bà Th không yêu cầu trong vụ án này nên tách ra chưa xem xét giải quyết, trường hợp các đương sự có yêu cầu sẽ thụ lý giải quyết thành vụ án dân sự khác.

- Án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và gia đình, ông Tăng Thanh T phải chịu 300.000đ. Ngày 28 tháng 5 năm 2020, ông T đã dự nộp tiền tạm ứng án phí

300.000đ theo biên lai số 0001905 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau nên được đổi trừ chuyển thu sung công quỹ nhà nước.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND Tp.Cà Mau;
- UBND xã Khánh Dân, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**
(Đã ký)
Lê Thị Thu